

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST

Ngày: 24-6-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Thanh Tuyền.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp Phú Tân, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp B, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị Phan Hoàng Q, sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Số 120, khu vực TĐ, phường PT, quận OM, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Anh Phan Hoàng H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Thanh L, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh P có mặt; anh H, anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 12 năm 2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Tấn Đ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Đỗ Hiệp P trình bày:

Anh Đ và chị Q có quen biết với nhau. Chị Q hỏi vay tiền nên anh Đ có cho chị Q vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay tiền, chị Q có ghi hợp đồng ngày 08/3/2021 và nói vay nhằm mục đích kinh doanh, làm kinh tế gia đình (kinh doanh bất động sản), thời gian vay là 02 tháng, các bên không thỏa thuận lãi suất.

Đến hạn trả nợ, vào ngày 08/5/2021, anh Đ nhiều lần đến nhà và điện thoại nhưng chị Q cứ hứa hẹn mà không trả nợ.

Theo đơn khởi kiện, anh Đ khởi kiện yêu cầu chị Q và chồng là anh L có nghĩa vụ liên đới trả 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 08/5/2021 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị Q trả 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi và không yêu cầu anh L có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Anh Đ không yêu cầu giám định, không yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Tòa án đưa thêm người tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Anh Đ thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Q, anh L chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là không tham gia và cũng không có người đại diện theo ủy quyền tham gia đầy đủ phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; chị Q, anh L, anh H không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ theo quy định tại các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

Buộc chị Q có trách nhiệm trả cho anh Đ số tiền nợ vay là 200.000.000 đồng.

Về lãi suất: ghi nhận anh Đ không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến P biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Tấn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa anh với chị Phan Hoàng Q. Chị Q cư trú tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Các đương sự không có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết, chữ số, không có yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ gì thêm, không yêu cầu đưa thêm người khác vào tham gia tố tụng trong vụ án.

Ngày 03/6/2022, sau khi Tòa án hoãn phiên tòa, anh H đến Tòa án nộp hợp đồng ủy quyền của chị Q có phần nội dung ủy quyền cho anh H tham gia tố tụng trong vụ án và đại diện cho chị Q trong một số vấn đề có liên quan trong vụ án. Trong giấy ủy quyền có nêu địa chỉ chỗ ở hiện nay của chị Q là: Số 120, khu vực Thới Đông, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Đồng thời, anh H có nộp “Đơn yêu cầu chuyển vụ án về nơi cư trú của bị đơn” đề ngày 31 tháng 5 năm 2022 do chị Phan Hoàng Q ký, nội dung chị Q

yêu cầu cHên vụ án về Tòa án nơi cư trú của chị Q là Tòa án quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Đơn yêu cầu cHên vụ án của chị Q đã được Chánh án Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xem xét theo thẩm quyền. Đồng thời, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn thì “Nếu tranh chấp P sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết”. Theo hợp đồng cho vay tiền ngày 08/3/2021 ghi “tại Phú Thuận”. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định hợp đồng được ký kết và thực hiện tại ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và nguyên đơn vẫn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiếp tục giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị Q đã được tổng Đ hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, chị Q ủy quyền cho anh H tham gia tố tụng và quyết định các vấn đề có liên quan trong vụ án. Theo quy định tại khoản 2 Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự “Người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự của đương sự theo nội dung văn bản ủy quyền”. Anh H đã được tổng Đ hợp lệ. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, anh H vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh H.

Anh L đã được tổng Đ hợp lệ nhưng vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là anh Đ yêu cầu chị Q và chồng của chị Q là anh L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền chị Q vay của anh Đ là 200.000.000 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị Q trả 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi và không yêu cầu anh L có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu đã thay đổi của nguyên đơn.

Căn cứ nguyên đơn khởi kiện là Hợp đồng cho vay tiền đề “...ngày 08/3/2021, tại địa chỉ Phú Thuận...Bên B (bên vay)...Phan Hoàng Q, giới tính nữ, sinh ngày 05/3/1987, ..., Số CMND: 321218579 cấp ngày 29/5/2005 tại Công an Bến Tre... Sau khi thỏa thuận cùng nhau ký hợp đồng vay tiền với các điều khoản sau: Ông Đ đồng ý cho bà Q vay số tiền 200.000.000 (bằng chữ: hai trăm triệu đồng)”. Các phần về mục đích vay tiền, thời hạn vay tiền, lãi suất đều bỏ trống, không có ghi nội dung. Tại Điều 7 của Hợp đồng cho vay tiền có

nội dung “Kể từ thời điểm bên B ký vào hợp đồng, bên B xác nhận đã nhận đủ số tiền do bên A chuyển giao”. Cuối hợp đồng có chữ ký và chữ ghi họ tên “Nguyễn Tấn Đ” và “Phan Hoàng Q”. Theo Hợp đồng cho vay tiền có chữ viết, số chứng minh nhân dân, chữ ký và chữ viết họ tên “Phan Hoàng Q”, nguyên đơn cho rằng những chữ viết tay và số chứng minh nhân dân, chữ ký và chữ viết họ tên “Phan Hoàng Q” đều do chị Phan Hoàng Q viết, anh Đ ký tên và ghi họ tên Nguyễn Tấn Đ vào bên A (bên cho vay).

Sau khi thụ lý vụ án, do không tổng Đ trực tiếp được cho chị Q với lý do chị Q không có mặt tại nhà trong giờ hành chính nên Tòa án có niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, bản phô tô tài liệu chứng cứ trong đó có bản phô tô hợp đồng cho vay tiền ngày 08/3/2021, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Q và anh L nhưng chị Q và anh L vắng mặt, không tham gia và không có văn bản ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ, chữ viết, chữ ký trong hợp đồng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo biên bản xác minh ngày 24/5/2022 tại Công an xã Châu Hòa (BL 58) thì hộ khẩu của chị Q vẫn còn tại địa chỉ ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Tại phiên tòa ngày 03/6/2022, chị Q vắng mặt, sau đó anh H đến Tòa án nộp Hợp đồng ủy quyền của chị Q, trong Hợp đồng ủy quyền có ghi:

“Điều 1: CĂN CỨ ỦY QUYỀN

Bên A là bị đơn trong vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với nguyên đơn Nguyễn Tấn Đ sinh năm 1971”. Điều này chứng tỏ chị Q biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án nhưng vẫn không có ý kiến gì. Từ ngày Tòa án hoãn phiên tòa là ngày 03/6/2022 đến ngày mở lại phiên tòa là ngày 24/6/2022, anh H là người đại diện theo ủy quyền của chị Q vẫn không có ý kiến hay văn bản ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ và đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

Từ những vấn đề nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định chị Phan Hoàng Q có vay của anh Nguyễn Tấn Đ số tiền 200.000.000 đồng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, buộc chị Q phải trả cho anh Đ số tiền 200.000.000 đồng.

Anh Đ không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000 đồng).

Trả lại cho anh Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.350.000 đồng theo biên lai thu số 0004579 ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn Đ.

Buộc chị Phan Hoàng Q có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Tấn Đ số tiền nợ vay là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phan Hoàng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000đ (mười triệu đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trả lại cho anh Nguyễn Tấn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.350.000đ (năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004579 ngày 04 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thu Trang